

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hưng Nguyên,
tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông báo số 1413-TB/TU ngày 04/6/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Công văn số 309-CV/BCSD ngày 13/6/2024 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về việc triển khai Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 1520/SXD.QHKT ngày 26/4/2024 và Văn bản số 2888/SXD-QHKT ngày 28/6/2024 về việc báo cáo thẩm định Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Hưng Nguyên.

3. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Viện Quy hoạch - Kiến trúc Xây dựng Nghệ An.

4. Phạm vi ranh giới và niên độ lập quy hoạch:

4.1. Phạm vi ranh giới: Toàn bộ ranh giới hành chính huyện Hưng Nguyên (18 đơn vị hành chính, bao gồm: Thị trấn Hưng Nguyên và 17 xã). Phạm vi ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc và Đông Bắc giáp: huyện Nghi Lộc;
- Phía Nam và Đông Nam giáp: sông Lam;
- Phía Đông giáp: thành phố Vinh.
- Phía Tây giáp: huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An và huyện Đức Thọ, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh;
- Diện tích lập quy hoạch: 15.929,18 ha (159,29 km²).

4.2. Niên độ quy hoạch: Thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch:

5.1. Quan điểm:

- Quy hoạch vùng huyện Hưng Nguyên định hướng phát triển thống nhất về không gian, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn với phát triển chung của vùng thành phố Vinh và các huyện Nghi Lộc, Nam Đàn, gắn kết chặt chẽ với các địa phương trong vùng Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh; phát triển hài hòa giữa các vùng đô thị và nông thôn. Tôn trọng tự nhiên, ứng phó với các vấn đề về biến đổi khí hậu để đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hưng Nguyên góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp, tiềm năng và lợi thế của địa phương để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững; văn hóa - xã hội phát triển lành mạnh; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh vững chắc.

5.2. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An theo quy hoạch tỉnh Nghệ An, huyện Hưng Nguyên đảm bảo phù hợp với hiện trạng và nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện.

- Phát huy thế mạnh về vị trí chiến lược của huyện, các tiềm năng về công nghiệp, thương mại dịch vụ du lịch, văn hóa, sinh thái và cảnh quan để tạo ra bước tăng trưởng kinh tế, nâng cao vai trò vị thế của huyện.

- Thiết lập các vùng kinh tế động lực, vùng đô thị hóa tập trung, các cơ sở kinh tế - xã hội (khu nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, hệ thống hạ tầng xã hội...) khung kết cấu hạ tầng kỹ thuật chủ yếu cấp tỉnh, cấp huyện là hạt nhân phát triển kinh tế - xã hội của cả huyện theo hướng cân bằng và bền vững.

- Nghiên cứu đề xuất mô hình phát triển không gian đô thị - nông thôn vùng huyện, xác định tính chất quy mô của hệ thống đô thị, lập kế hoạch cải tạo nâng cấp, xây mới, phân loại đô thị... trên cơ sở khai thác lợi thế riêng của huyện Hưng Nguyên, thúc đẩy phát triển ngành kinh tế mũi nhọn.

- Đề xuất phân bố không gian phát triển nông nghiệp, xây dựng công nghiệp, du lịch - dịch vụ, hệ thống hạ tầng xã hội, tổ chức phát triển giao thông và phân bổ các công trình hạ tầng kỹ thuật, môi trường bền vững ở đô thị và nông thôn.

- Hoàn thành mục tiêu huyện đạt chuẩn nông thôn mới; xây dựng huyện Hưng Nguyên giàu mạnh, văn minh.

- Bảo vệ môi trường thích ứng và chống chịu biến đổi khí hậu. Giữ gìn di sản văn hóa lịch sử, cảnh quan thiên nhiên và phát triển bản sắc văn hóa địa phương.

- Tạo lập cơ sở pháp lý để triển khai và quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch - dịch vụ, các vùng nông nghiệp... tiền đề thu hút đầu tư phát triển trên địa bàn huyện Hưng Nguyên.

6. Nội dung quy hoạch xây dựng:

6.1. Tính chất, chức năng:

- Là vệ tinh quan trọng của thành phố Vinh.

- Là vùng kinh tế tổng hợp trọng điểm đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Nghệ An gắn với các ngành công nghiệp, dịch vụ du lịch, văn hoá, nông lâm ngư nghiệp.

- Là khu vực phía Nam của tỉnh Nghệ An, nằm giáp thành phố Vinh với tiềm năng phát triển công nghiệp tập trung và các mô hình logistic hiện đại; du lịch sinh thái, cảnh quan, nghỉ dưỡng cao cấp, gắn liền với các cảnh quan thiên nhiên và các di tích lịch sử văn hóa.

- Là đầu mối giao thương quan trọng trung chuyển hàng hóa và dịch vụ thương mại du lịch của tỉnh, kết nối hiệu quả với các thị trường khắp cả nước.

6.2. Các chỉ tiêu dự báo phát triển vùng.

6.2.1. Dự báo tăng trưởng kinh tế: Chuyển đổi theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ du lịch, dịch vụ thương mại. Cụ thể:

- Giai đoạn 2021-2025: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 9,5-10,5%/năm. Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp: 18%; công nghiệp - xây dựng: 47%; thương mại - dịch vụ: 35%.

- Giai đoạn 2025-2030: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 11,5-12,5%/năm. Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp: 16%; công nghiệp - xây dựng: 48%; thương mại - dịch vụ: 36%.

- Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn đến năm 2030 đạt 137 triệu đồng/người/năm.

6.2.2. Dự báo phát triển dân số, lao động:

- Dân số hiện trạng toàn huyện khoảng 125.934 người, trong đó dân số đô thị khoảng 9.898 người, tỷ lệ đô thị hóa 7,9%.

- Dự báo năm 2030: Dân số toàn huyện khoảng 152.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 65.700 người, tỷ lệ đô thị hóa 42-44%.

- Dự báo đến năm 2050: Dân số toàn huyện khoảng 233.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 142.500 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 60-62%.

- Dự kiến lực lượng lao động chiếm 65% dân số toàn huyện.

6.3. Định hướng phát triển không gian vùng:

6.3.1. Phân vùng phát triển không gian:

Huyện Hưng Nguyên được định hướng phân thành 02 vùng phát triển không gian theo hướng vừa kết nối với tổng thể phát triển chung của tỉnh Nghệ An, vừa khai thác hiệu quả các tiềm năng của địa bàn khu vực. Cụ thể như sau:

a) Phân vùng 1: Phân vùng phía Bắc, gồm thị trấn Hưng Nguyên và 05 xã (Hưng Trung, Hưng Yên Nam và Hưng Yên Bắc, Hưng Tây, Hưng Đạo). Diện tích khoảng 7.427,72ha (bằng 46,63% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện). Đây là vùng động lực trung tâm, phát triển kinh tế tổng hợp, đô thị, công nghiệp, dịch vụ, thương mại và là đầu mối giao lưu với các địa phương lân cận; Liên kết chặt chẽ, toàn diện với sự phát triển chung của vùng. Hạt nhân phát triển là thị trấn Hưng Nguyên (đô thị loại V).

b) Phân vùng 2: Phân vùng phía Nam, gồm 12 xã (Hưng Thịnh, Hưng Mỹ, Hưng Lợi, Hưng Phúc, Châu Nhân, Xuân Lam, Hưng Nghĩa, Hưng Thành, Hưng Thông, Hưng Tân, Long Xá, Hưng Lĩnh). Diện tích khoảng 8.501,46ha (bằng 53,37% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện). Đây là vùng phát triển du lịch, nông nghiệp công nghệ cao. Hạt nhân phát triển là đô thị Hưng Thịnh và đô thị Long Xá (đô thị loại V).

6.3.2. Định hướng phát triển đô thị và nông thôn:

a) Định hướng không gian phát triển đô thị: Định hướng phát triển gồm 03 đô thị: Thị trấn Hưng Nguyên, đô thị Hưng Thịnh và đô thị Long Xá.

- Thị trấn Hưng Nguyên (đô thị loại V): Có chức năng là thị trấn huyện lỵ - Trung tâm hành chính, văn hóa, khoa học kỹ thuật và dịch vụ công cộng của huyện Hưng Nguyên.

+ Giai đoạn đến năm 2030: Thị trấn Hưng Nguyên hiện nay (758,1 ha); dân số khoảng 20.000 người. Đạt tiêu chí đô thị loại V;

+ Giai đoạn 2030-2050: Mở rộng diện tích, lấy toàn bộ ranh giới hành chính xã Hưng Tây. Tổng diện tích 2.598,7ha. Dân số khoảng 70.800 người. Nâng cao tiêu chí đô thị loại V.

- Đô thị Hưng Thịnh (đô thị loại V): Là đô thị thương mại dịch vụ khu vực phía Đông Bắc của huyện và là đô thị vệ tinh phía Nam của thành phố Vinh.

+ Giai đoạn đến năm 2030: Hình thành đô thị Hưng Thịnh gồm các xã Hưng Mỹ, Hưng Thịnh, Hưng Lợi và Hưng Phúc. Tổng diện tích 2.226,87ha; dân số khoảng 27.000 người. Đạt tiêu chí đô thị loại V;

+ Giai đoạn 2030-2050: Định hướng phát triển dân số khoảng 49.000 người. Hoàn thiện và nâng cao tiêu chí đô thị loại V.

- Đô thị Long Xá (đô thị loại V): Là đô thị thương mại dịch vụ khu vực phía Tây Nam huyện Hưng Nguyên.

+ Giai đoạn đến năm 2030: Hình thành đô thị Long Xá gồm các xã Long Xá và xã Hưng Lĩnh. Tổng diện tích 1.427,02ha; dân số khoảng 18.700 người. Đạt tiêu chí đô thị loại V;

+ Giai đoạn 2030-2050: Định hướng phát triển dân số khoảng 22.600 người. Hoàn thiện và nâng cao tiêu chí đô thị loại V.

b) Định hướng phát triển nông thôn:

- Giai đoạn 2023 - 2030:

+ Thực hiện điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới các đơn vị hành chính sau khi sát nhập các xã theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Đến năm 2025, tổng số xã dự kiến là 14 xã (*sát nhập các xã Hưng Thịnh và Hưng Mỹ, Hưng Tân và Hưng Thông, Hưng Phúc và Hưng Lợi*). Đến năm 2030, tổng số xã dự kiến là 10 xã (*các xã Long Xá, Hưng Thịnh, Hưng Mỹ, Hưng Phúc, Hưng Lợi và Hưng Lĩnh thuộc các đô thị Hưng Thịnh và Long Xá*); đồng thời hoàn thành lập quy hoạch chung xây dựng xã;

+ Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng huyện nông thôn mới trước năm 2025;

+ Cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư nông thôn hiện trạng, xây dựng và phát triển các khu dân cư mới theo quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch chung xã được duyệt. Quy hoạch xây dựng các khu dân cư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, các khu dân cư kiểu mẫu phục vụ xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu. Đến năm 2030 dân số nông thôn khoảng 86.000 người.

- Giai đoạn 2030-2050: Xây dựng và phát triển các khu dân cư mới theo quy hoạch nông thôn mới được duyệt và các khu dân cư kiểu mẫu phục vụ xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu trên toàn huyện. Đến năm 2050 dân số nông thôn khoảng 90.000 người.

6.3.3. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề:

- Ngoài khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An có diện tích rộng 750ha, quy hoạch các khu công nghiệp tại xã Hưng Tây, Hưng Yên Nam, Hưng Trung và Hưng Yên Bắc với tổng diện tích khoảng 1.200ha theo định hướng quy hoạch tỉnh Nghệ An và định hướng phát triển mở rộng Khu kinh tế Nghệ An.

- Quy hoạch mới 02 cụm công nghiệp. Tổng diện tích khoảng 140ha, gồm:

+ Cụm công nghiệp Hưng Yên tại xã Hưng Yên Nam, quy mô khoảng 70ha; ưu tiên các dự án chế tạo, lắp ráp thiết bị điện, linh kiện điện tử, cơ khí chính xác, sản phẩm phụ trợ,...

+ Cụm công nghiệp tại xã Hưng Tân, xã Hưng Nghĩa, quy mô khoảng 70ha; ưu tiên các dự án sản xuất đồ gia dụng, vật liệu xây dựng, sản xuất đồ gỗ, trang trí nội thất,...

- Bố trí các khu vực phát triển sản xuất công nghiệp trên địa bàn một số xã để phục vụ công tác sản xuất công nghiệp, thu hút đầu tư. Diện tích từ 4-10ha/xã.

6.3.4. Phát triển nông nghiệp:

- Trồng trọt: Hình thành vùng sản xuất tập trung, chất lượng cao theo chuỗi liên kết với các sản phẩm chủ lực của huyện tại các xã: Hưng Trung, Hưng Yên Bắc, Hưng Đạo, Hưng Tân, Hưng Thông, Hưng Nghĩa, Hưng Lợi, Hưng Phúc, Châu Nhân, Hưng Thành, Xuân Lam, Hưng Lĩnh.

- Chăn nuôi: Chăn nuôi đại gia súc tập trung tại các xã vùng phía Nam gồm các xã: Châu Nhân, Hưng Nghĩa, Hưng Thông, Hưng Tân và Hưng Đạo, Hưng Lĩnh, Hưng Lợi, Xuân Lam; gia cầm tại các xã phân vùng phía Bắc gồm xã Hưng Trung, Hưng Yên Bắc.

- Thủy sản: Quy hoạch phát triển vùng sản xuất cá giống, rươi, tôm ứng dụng công nghệ cao tại phía giáp sông Lam gồm các xã: Hưng Lĩnh, Long Xá, Xuân Lam, Hưng Thành, Châu Nhân và Hưng Lợi.

- Lâm nghiệp: Quy hoạch phát triển trồng rừng kết hợp đầu tư khu sản xuất chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ gồm các xã Hưng Yên Nam, Hưng Tây.

6.3.5. Phát triển thương mại dịch vụ:

- Đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại tại vùng đô thị và khu đông dân cư có đầu mối chính tại 03 đô thị: Thị trấn Hưng Nguyên, đô thị Hưng Thịnh và đô thị Long Xá phát triển thương mại dịch vụ, hệ thống phân phối theo Quốc lộ 46, Quốc lộ 1 (tuyến tránh thành phố Vinh). Chức năng: Là trung tâm phân phối hàng hoá và đầu mối các hoạt động thương mại và dịch vụ xã hội chính cho huyện và vùng phụ cận.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống các chợ truyền thống thành trung tâm thương mại kết hợp chợ truyền thống của vùng; xây dựng phát triển chợ đầu mối của thành phố Vinh tại xã Hưng Lợi.

6.3.6. Phát triển du lịch:

- Phát triển trên cơ sở phát huy giá trị các di tích văn hóa lịch sử, kiến trúc cổ, văn hóa tín ngưỡng. Điểm du lịch các di tích hạng cấp Quốc gia gồm 12 vị trí; di tích xếp hạng cấp tỉnh 24 vị trí kết hợp với việc tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá tạo nên các tua du lịch sinh thái kết hợp với nghỉ dưỡng cần xây dựng hạ tầng Khu du lịch nghỉ dưỡng về phía Bắc tại hồ Thạch Tiền, hồ Khe Ngang. Hệ thống các điểm bến thuyền, điểm du lịch dọc sông Lam và đường ven sông Lam:

+ Du lịch sinh thái rừng - sông - núi - nông nghiệp: Khai thác vùng nông nghiệp phía Bắc và phía Nam ven sông Lam, phát triển khu du lịch sinh thái;

+ Du lịch văn hoá, lịch sử, phát huy giá trị các công trình di tích: Đền Ông Hoàng Mười (xã Hưng Thịnh); núi Lam Thành, Khu di tích Lê Hồng Phong, Khu di tích 12/9... nằm trong vùng có nền văn hóa, lịch sử lâu đời;

+ Du lịch trải nghiệm: Tổ chức các địa điểm du lịch, home stay kết hợp trang trại, khám phá văn hóa, đặc sản địa phương như: Làng nghề Bánh cà, hương cốm (xã Hưng Tân).

- Đầu tư phát triển các làng nghề truyền thống, các cơ sở sản xuất chế biến nông, lâm nghiệp gắn liền với phát triển du lịch. Kết hợp giữa du lịch văn hóa, lịch sử với du lịch sinh thái trải nghiệm.

6.3.7. Hệ thống công trình an ninh quốc phòng:

Các quy hoạch đất an ninh, quốc phòng trên địa bàn của huyện Hưng Nguyên được tuân thủ theo các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch tỉnh, quy hoạch chuyên ngành về an ninh quốc phòng đã được định hướng.

6.4. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội:

6.4.1. Hệ thống công trình giáo dục: Sắp xếp, cải tạo, nâng cấp, mở rộng quy mô các cơ sở giáo dục ở các đô thị: Thị trấn Hưng Nguyên (đô thị loại V), đô thị Hưng Thịnh (đô thị loại V) và đô thị Long Xá (đô thị loại V) theo định hướng có nhiều cấp học. Đầu tư xây dựng mới tổ hợp giáo dục đào tạo nghề và đào tạo phổ thông (cấp vùng) tại đô thị Hưng Thịnh.

- Giai đoạn 2023-2030: Dự báo dân số 152.000 người. Dự kiến có 67 cơ sở giáo dục, trong đó có 01 trường trung cấp dạy nghề kinh tế kỹ thuật; 01 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên; 01 trường chính trị; 06 trường THPT; 14 trường THCS; 21 trường tiểu học và 23 trường Mầm non.

- Giai đoạn 2030-2050: Dự báo dân số 233.000 người. Dự kiến có 89 cơ sở giáo dục, trong đó có 02 trường trung cấp dạy nghề kinh tế kỹ thuật; 02 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên; 02 trường chính trị; 09 trường THPT; 18 trường THCS; 27 trường tiểu học và 29 trường Mầm non.

6.5.2. Hệ thống công trình y tế: Khuyến khích phát triển xã hội hóa Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, phòng khám tư nhân tại các đô thị: Thị trấn Hưng Nguyên (đô thị loại V), đô thị Hưng Thịnh (đô thị loại V) và đô thị Long Xá (đô thị loại V). Cải tạo, nâng cấp hệ thống các trạm y tế xã đáp ứng nhu cầu khám,

chữa bệnh của nhân dân trong huyện. Phát triển bệnh viện công lập và các cơ sở y tế khác (như trạm xá, phòng khám, hiệu thuốc...). Cụ thể:

- Giai đoạn 2023-2030: Dự báo dân số 152.000 người. Tiêu chí 100% xã, thị trấn đạt tiêu chí Quốc gia về y tế với 100% người dân tham gia bảo hiểm Y tế. Nâng cấp, bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II, quy mô 300 giường bệnh. Quy hoạch thêm 01 bệnh viện đa khoa và 01 bệnh viện chuyên khoa tại khu vực đô thị Long Xá.

- Giai đoạn 2030-2050: Dự báo dân số 233.000 người. Nâng cấp: Bệnh viện huyện lên quy mô 700 giường bệnh.

6.5.3. Hệ thống công trình văn hóa - thể dục thể thao:

- Công trình văn hóa: Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn; xây dựng 100% công trình trụ sở, nhà văn hóa xã đạt tiêu chuẩn.

- + Thị trấn Hưng Nguyên: Xây dựng mới trung tâm văn hóa của huyện, gồm: Nhà bảo tàng, nhà truyền thống, nhà văn hóa thanh thiếu nhi huyện, tượng đài;

- + Trung tâm văn hóa khu vực tại đô thị Hưng Thịnh và đô thị Long Xá. Quy mô đạt tối thiểu 1,0ha/trung tâm.

- 100% các xã có khu văn hóa - thể thao đạt tiêu chí nông thôn mới.

- Trung tâm thể dục thể thao (TDTT):

- + Trung tâm TDTT cấp huyện: 01 trung tâm tại thị trấn Hưng Nguyên gồm sân vận động, nhà tập luyện và thi đấu, bể bơi, sân tập bóng chuyền, cầu lông, sỏi vật;

- + Trung tâm TDTT cấp khu vực tại đô thị Hưng Thịnh, đô thị Long Xá: Sân thể thao, trung tâm văn hóa thể thao, cung văn hóa, nhà thiếu nhi;

- + Trung tâm TDTT cấp xã: 100% các xã có sân thể thao, cải tạo và nâng cấp các khu trung tâm TDTT hiện hữu đạt chuẩn nông thôn mới. Mỗi trung tâm TDTT gồm 01 sân thể thao phổ thông 5.000 - 8.000m², nhà luyện tập thi đấu kết hợp nhà văn hóa diện tích 200 - 300m², 3 - 5 sân tập thể thao.

6.5.4. Vùng bảo tồn sinh thái, di tích văn hóa lịch sử:

- Vùng bảo tồn sinh thái: Bảo vệ rừng tự nhiên, khu vực lòng hồ (hồ Khe Ngang, hồ Thạch Tiền,...), sông Lam, sông Hoàng Cần...;

- Vùng bảo tồn các di tích văn hóa - lịch sử đã được công nhận và đưa vào danh mục kiểm kê, bảo tồn tôn tạo và phát triển (12 di tích cấp Quốc gia, 24 di tích cấp tỉnh).

6.5.5. Vùng cấm xây dựng, hạn chế xây dựng:

- Khu vực hành lang an toàn công trình thủy lợi như: Đê sông; hệ thống hồ đập, bờ biển; Hành lang an toàn đường bộ, đường thủy; hành lang bảo vệ an toàn nguồn nước.

- Tuân thủ các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất an ninh quốc phòng đã được định hướng quy hoạch.

6.6. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật hạ tầng:

6.6.1. Giao thông:

a) Đường bộ:

- Mạng lưới đường Quốc gia: Trên địa bàn huyện Hưng Nguyên có 06 tuyến, gồm 02 tuyến cao tốc, 04 tuyến Quốc lộ.

+ Cao tốc Bắc-Nam: Quy hoạch với quy mô 06 làn xe;

+ Cao tốc Hà Nội - Vinh: Quy hoạch với quy mô 06 làn xe;

+ Quốc lộ 1 (đoạn tránh thành phố Vinh): Quy hoạch với quy mô đường cấp III, đoạn qua khu vực đô thị theo quy hoạch đã được phê duyệt;

+ Quốc lộ 46: Quy hoạch thành đường đô thị;

+ Quốc lộ 46B: Quy hoạch với quy mô đường cấp IV, đoạn qua khu vực đô thị theo quy hoạch đã được phê duyệt;

+ Quốc lộ 46C: Quy hoạch với quy mô đường cấp III và IV, đoạn qua khu vực đô thị theo quy hoạch đã được phê duyệt;

(Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050).

- Đường tỉnh: Trên địa bàn huyện gồm 03 tuyến Đường tỉnh. Quy hoạch cụ thể như sau:

+ Đường tỉnh 539C (gộp tuyến ĐT542B và ĐT539C): Quy hoạch với quy mô đường cấp IV, đoạn qua khu vực đô thị theo quy hoạch đã được phê duyệt;

+ Đường tỉnh 542 (gộp tuyến ĐT542C và ĐT542E): Quy hoạch với quy mô đường cấp IV, đoạn qua khu vực đô thị theo quy hoạch đã được phê duyệt;

+ Đường tỉnh 535B: Quy hoạch thành đường đô thị;

(Tuyến ĐT542D chuyển thành đường huyện).

(Căn cứ quyết định số 1059/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 14/9/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050).

- Đường huyện và trục chính khu vực:

+ Đường huyện: Quy hoạch 21 tuyến đường huyện và định hướng quy hoạch 09 tuyến mới, quy mô đường cấp III, IV, V, đảm bảo kết nối các khu vực chức năng trong huyện và hệ thống đường tỉnh, Quốc lộ;

+ Đường chính khu vực đô thị và khu vực du lịch: Kết nối khu vực đô thị và khu vực du lịch với các hệ thống giao thông chính của huyện, quy mô theo quy hoạch đô thị.

Bảng tổng hợp quy hoạch hệ thống Cao tốc - Quốc lộ - Đường tỉnh

TT	Tên đường	Cấp đường
I	Cao tốc	
1.1	Cao tốc Bắc - Nam	
1.2	Cao tốc Hà Nội - Vĩnh Chấn	
II	Quốc lộ	
2.1	Quốc lộ 1 (đoạn tránh thành phố Vinh)	III
2.2	Quốc lộ 46	Đô thị
2.3	Quốc lộ 46B	IV
2.4	Quốc lộ 46C	III - IV
III	Đường tỉnh	
3.1	ĐT.539C	IV
3.2	ĐT.542	IV
3.3	ĐT.535B	Đô thị

Bảng tổng hợp quy hoạch hệ thống đường huyện

TT	Tên đường	Chiều dài (km)	Cấp đường	Tên tuyến
IV	Đường huyện	161,1		
4.1	ĐH.201B	1,0	IV	Hung Trung - Nghi Công
4.2	ĐH.202 (nhánh 1)	2,5	V	Hung Yên Bắc - Hung Trung
4.3	ĐH.202 (nhánh 2)	2,0	V	Hung Yên Nam - Nghi Vạn
4.4	ĐH.202B	3,8	IV	Hung Yên Nam - Hung Xuân
4.5	ĐH.202C	9,3	IV	Hung Yên Nam - Hung Trung
4.6	ĐH.203	11,7	III	Hung Tây - TT Hưng Nguyên - Hưng Mỹ - Hưng Tân
4.7	ĐH.203B	4,3	V	Hung Đạo
4.8	ĐH.204	6,1	IV	Hung Lĩnh - Hung Đạo
4.9	ĐH.204B	12,6	IV	Hung Lợi - Hưng Nghĩa - Hưng Thông - Hung Đạo
4.10	ĐH.206 (đường 8B)	7,6	III	TP Vinh - Hưng Mỹ - Hưng Tân - Hưng Nghĩa - Xuân Lam
4.11	ĐH.206B	3,1	V	Hung Tân
4.12	ĐH.206C	1,0	V	Hung Nghĩa
4.13	ĐH.208 (nhánh 1)	6,0	V	Xuân Lam - Hưng Nghĩa
4.14	ĐH.208 (nhánh 2)	2,0	V	Châu Nhân
4.15	ĐH.208B	3,5	V	Hung Lợi - Hưng Phúc
4.16	ĐH.209	2,8	V	Hung Thành - Châu Nhân
4.17	ĐH.209B	3,1	V	Long Xá
4.18	ĐH.210 (nhánh 1)	9,1	IV	Hung Thành - Châu Nhân -
4.19	ĐH.210 (nhánh 2)	2,8	IV	Châu Nhân

4.20	ĐH.210B	13,5	IV	Hung Lợi - Hung Phúc - Hung Mỹ - Hung Tân - Hung Đạo
4.21	ĐT542D (Chuyển thành đường huyện)	0,5	IV	Hung Thịnh
*	Các tuyến đường quy hoạch mới			
4.22	N1	4,7	III	Nghi Lộc - Hung Nguyên - Nam Đàn - Đô Lương
4.23	N2	17,0	III	TP Vinh - Hung Nguyên - Nam Đàn
4.24	N3	2,5	III	Hung Tân
4.25	N4	2,3	IV	Hung Nguyên - TP Vinh
4.26	D1	10,0	Đô thị	Hung Tây - Hung Đạo - Hung Tân - Long Xá
4.27	D2	5,1	IV	Hung Yên Nam - Hung Yên Bắc
4.28	D3	2,6	III	Hung Tây - TT Hung Nguyên - Hung Tân
4.29	D4	7,4	IV	TP Vinh - Hung Mỹ - Hung Tân - Hung Nghĩa - Hung Xuân
4.30	D5	1,2	IV	Hung Đạo - Nam Cát - Long Xá
V	Đường trục chính đô thị		Tuân theo quy hoạch đô thị	

b) Bến xe: Bến xe Nam Vinh thuộc khu dịch vụ vận tải đường bộ Nam thành phố Vinh nằm trên địa bàn xã Hung Lợi. Quy mô bến xe loại 1, diện tích 16.000m².

c) Đường sắt:

- Đường sắt tốc độ cao: Hướng tuyến đường sắt tốc độ cao đi qua các xã Hung Trung, Hung Yên Bắc, Hung Yên Nam, Hung Tây, Hung Đạo, thị trấn Hung Nguyên, Hung Tân, Hung Nghĩa, Hung Thành. (Ga Vinh dự kiến quy hoạch tại xã Hung Tây, nằm ở khu vực giữa trục đường 72m và Quốc lộ 46).

- Đường sắt Bắc - Nam: Cải tạo, nâng cấp, duy tu bảo dưỡng để đảm bảo tốt khả năng vận tải của tuyến.

d) Đường thủy:

- Tuyến trên sông Lam: Quy hoạch tuyến đường sông cấp III.

- Tuyến trên kênh Gai: Quy hoạch tuyến đường sông cấp V.

- Tuyến trên kênh Thấp: Quy hoạch tuyến đường sông cấp V.

(Theo QĐ 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; QĐ 5206/QĐ.UBND ngày 25/10/2016 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông đường thủy nội địa tỉnh Nghệ An đến năm 2020, định hướng đến năm 2030).

6.6.2. San nền, thoát nước mặt:

a) Nền xây dựng: San nền khu vực đô thị mới theo các đồ án quy hoạch được phê duyệt. Đối với các khu vực khác, giữ nguyên nền xây dựng hiện trạng và cần bổ sung thêm các tuyến cống thoát nước với độ sâu cống phù hợp tránh hiện tượng úng ngập xảy ra.

b) Thoát nước mặt: Dựa vào địa hình, các trục tiêu và hướng tiêu nước chính chia huyện Hưng Nguyên thành 04 lưu vực:

- Lưu vực 1: Phần phía Nam khe Cái, diện tích lưu vực khoảng 15,92km², thuộc các xã Hưng Yên Bắc và Hưng Trung đổ ra khe Cái để đổ về Kênh Gai ở phía Đông khu vực.

- Lưu vực 2: Phía Bắc kênh Thấp, diện tích lưu vực khoảng 45,52km², thuộc các xã Hưng Yên Nam, Hưng Tây, thị trấn Hưng Nguyên đổ vào kênh Gai và kênh Thấp phía Đông và Nam khu vực.

- Lưu vực 3: Diện tích lưu vực khoảng 34,70km², thuộc các xã Hưng Đạo, Hưng Thông, Long Xá, Hưng Lĩnh đổ vào kênh Lam Trà từ đó chảy vào kênh Thấp ở phía Đông khu vực.

- Lưu vực 4: Phía Đông Nam khu vực, diện tích lưu vực khoảng 65,97km², thuộc các xã Hưng Mỹ, Hưng Thịnh, Hưng Nghĩa, Hưng Lợi, Xuân Lam, Hưng Thành, Châu Nhân đổ vào kênh Hoàng Cần về trạm bơm Bến Thủy và kênh Lê Xuân Đào chảy về trạm bơm Hưng Châu ở phía Nam khu vực để đổ về sông Lam.

6.6.3. Cấp nước sạch, thủy lợi và hạ tầng phòng cháy chữa cháy:

a) Cấp nước:

- Nguồn nước: Sử dụng chủ yếu là nguồn nước mặt sông Lam, sông Đào.

- Tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2030 là khoảng 50.000 m³, đến năm 2050 là khoảng 108.000m³.

- Phân vùng cấp nước:

- + Vùng sử dụng nước từ Hệ thống cấp nước Hưng Nguyên (Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước Hưng Nguyên hòa mạng với nhà máy nước Hưng Tân và Hệ thống cấp nước TP Vinh) cung cấp cho thị trấn Hưng Nguyên, các xã Hưng Đạo, Hưng Mỹ, Hưng Tân, Hưng Trung (phần cấp mới), Hưng Yên Nam, Hưng Yên Bắc, khu CN-ĐT-DV VSIP và các KCN thuộc KKT Nghệ An;

- + Vùng sử dụng nước sạch từ Hệ thống cấp nước thành phố Vinh và phụ

cận (nhà máy nước Cầu Bạch hòa mạng nhà máy nước Hưng Vĩnh) cấp nước cho các xã Hưng Tây, Hưng Thịnh (hiện trạng);

+ Vùng sử dụng nước sạch từ Hệ thống nước Nam Hưng Nguyên (xây dựng mới nhà máy nước Xuân Lam hòa mạng với các nhà máy nước Hưng Thông, Hưng Lĩnh, Hưng Phúc, Hưng Thắng) cấp nước cho các xã phía Nam của huyện.

- Mạng lưới: Các tuyến ống truyền dẫn (D250 đến D1000) và các tuyến phân phối (D100 đến D200). Mạng lưới đường ống cấp nước phân bố trên hành lang các tuyến đường giao thông.

b) Hạ tầng kỹ thuật thủy lợi:

- Đảm bảo an toàn hệ thống đê sông, hồ đập, gia cố các hồ đập địa phương đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ.

- Tăng tỷ lệ kiên cố hóa kênh cấp 3 phục vụ sản xuất nông nghiệp đạt 70%.

- Hoàn thiện và xây dựng thêm một số hồ chứa nước để phục vụ sản xuất cho các xã vùng bán sơn địa, nâng cấp một số hồ có thể tăng được dung tích trữ.

- Bổ sung một số trạm bơm ở các điểm phù hợp để tăng tỷ lệ tưới tiêu chủ động trong sản xuất nông nghiệp.

c) Hạ tầng phòng cháy và chữa cháy:

- Quy hoạch bố trí đất xây dựng trụ sở đội Cảnh sát PCCC - CNCH tại các Đô thị và các Khu công nghiệp, bố trí các công trình hạ tầng PCCC trong các đô thị theo các quy định.

- Giao thông phục vụ PCCC: Các trục đường trong đồ án quy hoạch đề có mặt đường rộng, đảm bảo cho phương tiện chữa cháy có thể di chuyển được.

- Bố trí các bến nước phòng cháy chữa cháy tại sông, kênh, hồ đập đáp ứng trữ lượng nước và có vị trí bám các trục đường giao thông đảm bảo cho xe phòng cháy chữa cháy hoạt động thuận lợi, đồng thời phân bố các điểm bến lấy nước cho xe chữa cháy tại các đô thị, khu công nghiệp.

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt phải bố trí trụ nước, đường ống, máy bơm và dung tích nước chữa cháy. Vị trí trụ nước chữa cháy đảm bảo theo các quy định.

6.6.4. Cấp điện:

- Tổng nhu cầu dùng đến năm 2030: 489.891 kVA.

- Nguồn điện: Cấp cho huyện Hưng Nguyên là Trạm 110kV Hưng Đông, trạm 110kV Bến Thủy, trạm 110kV Hưng Nguyên, trạm 110kV Hưng Nguyên 2 và trạm 110kV VSIP6.

- Phân vùng cấp điện: Tương tự phân vùng của quy hoạch thành 03 vùng:

+ Trạm 110kV Bến Thủy cấp điện cho phân vùng phía Nam;

+ Trạm 110kV Hưng Đông cấp điện cho phân vùng trung tâm và phân vùng phía Nam;

+ Trạm 110kV Hưng Nguyên đặt tại phân vùng trung tâm và cấp điện cho phân vùng trung tâm;

+ Trạm 110kV Hưng Nguyên 2 đặt tại phân vùng phía Bắc và cấp điện cho phân vùng phía Bắc và cấp bổ sung cho phân vùng trung tâm.

- Chiếu sáng: Mạng lưới các trục đường chính của khu đô thị bố trí đi ngầm. Dùng đèn chiếu sáng cao áp hiệu suất cao, tiết kiệm điện năng.

- Nâng cấp đường dây 35KV, 22KV hoàn thiện cải tạo trạm biến áp các xã, thị trấn. Nâng cấp đường dây lưới điện nông thôn theo tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu.

- Xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị, gồm: Thị trấn Hưng Nguyên, đô thị Long Xá và đô thị Hưng Thịnh.

6.6.5. Thoát nước và xử lý thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang:

- Định hướng thoát nước thải:

+ Khối lượng nước thải phát sinh đến năm 2030 là khoảng $46.000\text{m}^3/\text{ngđ}$, đến năm 2050 là khoảng $103.000\text{m}^3/\text{ngđ}$;

+ Từng bước đầu tư hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải chung với nước mưa cho khu vực nông thôn. Xây dựng mới các hệ thống thoát nước thải riêng và xử lý nước thải cho các Đô thị, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch và bệnh viện;

+ Nước thải được thu gom bằng mạng lưới đường ống và các Trạm bơm đưa nước thải đến các khu xử lý nước thải.

- Định hướng quản lý chất thải rắn:

+ Khối lượng CTR phát sinh đến năm 2030 là khoảng 90 T/ngđ, đến năm 2050 là khoảng 155 T/ngđ;

+ 100% chất thải rắn (CTR) được thu gom, phân loại tại nguồn. CTR thông thường được xử lý tại khu liên hợp xử lý chất thải rắn đặt tại xã Nghi Yên (Quy hoạch mới khu liên hợp xử lý chất thải rắn tại khu vực Lèn Dơi, xã Nghi Yên), CTR y tế được xử lý bằng lò đốt tại bệnh viện, CTR nguy hại được thu gom và vận chuyển đi xử lý triệt để. Chất thải rắn công nghiệp được thu gom và vận chuyển đến khu xử lý tập trung theo quy định.

- Định hướng phát triển nghĩa trang:

+ Tiếp tục sử dụng các nghĩa trang tập trung đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường tại các xã, thị trấn đã được phê duyệt quy hoạch. Các nghĩa trang hiện có không đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường phải dừng các hoạt động mai táng, trồng cây xanh cách ly đảm bảo cảnh quan. Khuyến khích nhân dân chuyển sang

hình thức hỏa táng;

- + Quy hoạch nghĩa trang vùng liên huyện tại xã Hưng Tây, quy mô 81ha;
- + Quy hoạch mới nghĩa trang tập trung cấp vùng tại xã Hưng Yên Nam, quy mô khoảng 120ha.

6.6.6. Định hướng hạ tầng thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông:

- Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông có công nghệ hiện đại, phát triển mạng lưới cáp quang trong toàn huyện. Đảm bảo được các nhu cầu về sử dụng thông tin liên lạc theo từng khu vực, theo từng giai đoạn đáp ứng các yêu cầu phát triển với tốc độ cao của công nghệ thông tin.

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngầm lắp đặt cáp viễn thông khu vực theo lộ trình nâng cấp các tuyến đường giao thông của tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An.

- Tiếp tục phát triển thuê bao; nâng cấp các điểm chuyển mạch tại các đô thị; xây dựng hệ thống cáp quang và các điểm truy cập mới tại các khu công nghiệp, các khu đô thị mới.

6.6.7. Đánh giá môi trường chiến lược: Phát triển kinh tế, xã hội, đô thị hóa phải đi đôi với bảo vệ môi trường nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Trên cơ sở đó xây dựng các giải pháp, kế hoạch bảo vệ môi trường, bao gồm:

- Phát triển đô thị phải gắn liền với xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ cho các khu dân cư, đô thị tránh phát sinh chất thải ra môi trường.

- Kiểm soát môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, các điểm du lịch; Các dự án khi triển khai phải đảm bảo đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định, tăng cường giám sát kiểm tra định kỳ.

- Xây dựng chương trình quan trắc, bố trí các điểm quan trắc môi trường nước tại các vị trí nguồn sinh thủy, nguồn tiếp nhận nước thải, vùng nước ven bờ, môi trường đất, không khí tại các khu vực trọng điểm.

Điều 2. Phê duyệt kèm theo Quyết định này bản vẽ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy định quản lý theo đồ án được phê duyệt.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện Hưng Nguyên:

- Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức công bố quy hoạch, lập quy định quản lý quy hoạch trình thẩm định, phê duyệt theo quy định;
- Phối hợp với các Sở, Ngành liên quan nghiên cứu xây dựng kế hoạch để thực hiện quy hoạch theo tiến độ và trình tự ưu tiên.

2. Các Sở, Ngành liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Hưng Nguyên triển khai thực hiện các quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng của địa phương đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc/Thủ trưởng các Sở, Ban ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Hưng Nguyên; Các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Báo Nghệ An;
- Đài PTTH tỉnh, Công báo;
- Lưu: VTUB, CVCN (Hùng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Vinh

QUY ĐỊNH

Quản lý theo Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Hưng Nguyên,
tỉnh Nghệ An, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1642/QĐ-UBND
ngày 22. tháng 6. năm 2024 của UBND tỉnh)

PHẦN 1

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

Điều 1. Đối tượng áp dụng, phân công thực hiện:

1.1. Quy định này quy định các công tác quản lý quy hoạch xây dựng, sử dụng đất, các yêu cầu quản lý kiểm soát không gian, kiến trúc, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường theo Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, được Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số: /QĐ-UBND ngày..... tháng.....năm 2024, làm cơ sở lập quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu chức năng, quản lý đầu tư xây dựng trong phạm vi huyện Hưng Nguyên.

1.2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước liên quan đến những hoạt động trong phạm vi của đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý:

2.1. Phạm vi ranh giới: Toàn bộ ranh giới hành chính huyện Hưng Nguyên (18 đơn vị hành chính, bao gồm: Thị trấn Hưng Nguyên và 17 xã). Phạm vi ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc và Đông Bắc giáp: huyện Nghi Lộc;
- Phía Nam và Đông Nam giáp: sông Lam;
- Phía Đông giáp: thành phố Vinh.
- Phía Tây giáp: huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An và huyện Đức Thọ, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh;

2.2. Quy mô:

a) Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng toàn huyện khoảng 125.934 người, trong đó dân số đô thị khoảng 9.898 người, tỷ lệ đô thị hóa 7,9%.

- Dự báo năm 2030: Dân số toàn huyện khoảng 152.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 65.700 người, tỷ lệ đô thị hóa 42-44%.

- Dự báo đến năm 2050: Dân số toàn huyện khoảng 233.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 142.500 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 60-62%.

- Dự kiến lực lượng lao động chiếm 65% dân số toàn huyện.

b) Quy mô đất đai: 15.929,18 ha (159,29 km²).

Điều 3. Quy định về các vùng phát triển & không gian phát triển kinh tế:

3.1. Các vùng phát triển:

Huyện Hưng Nguyên được định hướng phân thành 02 vùng phát triển không gian theo hướng vừa kết nối với tổng thể phát triển chung của tỉnh Nghệ An, vừa khai thác hiệu quả các tiềm năng của địa bàn khu vực. Cụ thể như sau:

a) Phân vùng 1: Phân vùng phía Bắc, gồm thị trấn Hưng Nguyên và 5 xã (Hưng Trung, Hưng Yên Nam và Hưng Yên Bắc, Hưng Tây, Hưng Đạo). Diện tích khoảng 7.427,72ha (bằng 46,63% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện). Đây là vùng động lực trung tâm, phát triển kinh tế tổng hợp, đô thị, công nghiệp, dịch vụ, thương mại và là đầu mối giao lưu với các địa phương lân cận; Liên kết chặt chẽ, toàn diện với sự phát triển chung của vùng. Hạt nhân phát triển là thị trấn Hưng Nguyên (đô thị loại V).

b) Phân vùng 2: Phân vùng phía Nam, gồm 12 xã (Hưng Thịnh, Hưng Mỹ, Hưng Lợi, Hưng Phúc, Châu Nhân, Xuân Lam, Hưng Nghĩa, Hưng Thành, Hưng Thông, Hưng Tân, Long Xá, Hưng Lĩnh). Diện tích khoảng 8.501,46ha (bằng 53,37% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện). Đây là vùng phát triển du lịch, nông nghiệp công nghệ cao. Hạt nhân phát triển là đô thị Hưng Thịnh và đô thị Long Xá (đô thị loại V).

3.2. Không gian phát triển các ngành và lĩnh vực chủ yếu:

a) Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề:

- Ngoài khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An có diện tích rộng 750ha, quy hoạch các khu công nghiệp tại xã Hưng Tây, Hưng Yên Nam, Hưng Trung và Hưng Yên Bắc với tổng diện tích khoảng 1.200ha theo định hướng quy hoạch tỉnh Nghệ An và định hướng phát triển mở rộng Khu kinh tế Nghệ An.

- Quy hoạch mới 02 cụm công nghiệp. Tổng diện tích khoảng 140ha, gồm:

+ Cụm công nghiệp Hưng Yên tại xã Hưng Yên Nam, quy mô khoảng 70ha; ưu tiên các dự án chế tạo, lắp ráp thiết bị điện, linh kiện điện tử, cơ khí chính xác, sản phẩm phụ trợ,...

+ Cụm công nghiệp tại xã Hưng Tân, Hưng Nghĩa, quy mô khoảng 70ha; ưu tiên các dự án sản xuất đồ gia dụng, vật liệu xây dựng, sản xuất đồ gỗ, trang trí nội thất,...

- Bố trí các khu vực phát triển sản xuất công nghiệp trên địa bàn một số xã để phục vụ công tác sản xuất công nghiệp, thu hút đầu tư. Diện tích từ 4-10ha/xã.

b) Phát triển nông nghiệp:

- Trồng trọt: Hình thành vùng sản xuất tập trung, chất lượng cao theo chuỗi liên kết với các sản phẩm chủ lực của huyện tại các xã: Hưng Trung, Hưng Yên Bắc, Hưng Đạo, Hưng Tân, Hưng Thông, Hưng Nghĩa, Hưng Lợi, Hưng Phúc, Châu Nhân, Hưng Thành, Xuân Lam, Hưng Lĩnh .

- Chăn nuôi: Chăn nuôi đại gia súc tập trung tại các xã vùng phía Nam gồm các xã: Châu Nhân, Hưng Nghĩa, Hưng Thông, Hưng Tân và Hưng Đạo, Hưng Lĩnh, Hưng Lợi, Xuân Lam; gia cầm tại các xã phân vùng phía Bắc gồm xã Hưng Trung, Hưng Yên Bắc.

- Thủy sản: Quy hoạch phát triển vùng sản xuất cá giống ứng dụng công nghệ cao tại phía giáp sông Lam gồm các xã: Hưng Lĩnh, Long Xá, Xuân Lam, Hưng Thành, Châu Nhân và Hưng Lợi;

- Lâm nghiệp: Quy hoạch phát triển trồng rừng kết hợp đầu tư khu sản xuất chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ gồm các xã Hưng Yên Nam, Hưng Tây;

c) Phát triển thương mại dịch vụ:

- Đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại tại vùng đô thị và khu đông dân cư có đầu mối chính tại 03 đô thị: Thị trấn Hưng Nguyên, đô thị Hưng Thịnh, đô thị Long Xá và phát triển thương mại dịch vụ, hệ thống phân phối theo Quốc lộ 1 (tuyến tránh thành phố Vinh). Chức năng: Là trung tâm phân phối hàng hoá và đầu mối các hoạt động thương mại và dịch vụ xã hội chính cho huyện và vùng phụ cận.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống các chợ truyền thống thành trung tâm thương mại kết hợp chợ truyền thống của vùng; xây dựng phát triển chợ đầu mối của thành phố Vinh tại xã Hưng Lợi.

d) Phát triển du lịch:

- Phát triển trên cơ sở phát huy giá trị các di tích văn hóa lịch sử, kiến trúc cổ, văn hóa tín ngưỡng. Điểm du lịch các di tích hạng cấp Quốc gia gồm 12 vị trí; di tích xếp hạng cấp tỉnh 24 vị trí kết hợp với việc tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá tạo nên các tua du lịch sinh thái kết hợp với nghỉ dưỡng cần xây dựng hạ tầng Khu du lịch nghỉ dưỡng về phía Bắc tại hồ Thạch Tiền, hồ Khe Ngang. Hệ thống các điểm bến thuyền, điểm du lịch dọc sông Lam và đường ven sông Lam.

+ Du lịch sinh thái rừng - sông - núi - nông nghiệp: Khai thác vùng nông nghiệp phía Bắc và phía Nam ven sông Lam, phát triển khu du lịch sinh thái;

+ Du lịch văn hoá, lịch sử, phát huy giá trị các công trình di tích: Đền Ông Hoàng Mười (xã Hưng Thịnh); núi Lam Thành, Khu di tích Lê Hồng Phong, Khu di tích 12/9... nằm trong vùng có nền văn hóa, lịch sử lâu đời;

+ Du lịch trải nghiệm: Tổ chức các địa điểm du lịch, shomstay kết hợp trang trại, khám phá văn hóa, đặc sản địa phương như: Làng nghề Bánh cà, hương cốm (xã Hưng Tân);

- Đầu tư phát triển các làng nghề truyền thống, các cơ sở sản xuất chế biến nông, lâm nghiệp gắn liền với phát triển du lịch. Kết hợp giữa du lịch văn hóa, lịch sử với du lịch sinh thái trải nghiệm.

e) Hệ thống công trình an ninh quốc phòng:

Các quy hoạch đất an ninh, quốc phòng trên địa bàn của huyện Hưng Nguyên được tuân thủ theo các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch tỉnh, quy hoạch chuyên ngành về an ninh quốc phòng đã được định hướng.

Điều 4. Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn:

4.1. Định hướng phát triển không gian đô thị: Định hướng phát triển gồm 03 đô thị: Thị trấn Hưng Nguyên, đô thị Hưng Thịnh, đô thị Long Xá.

a) Thị trấn Hưng Nguyên (đô thị loại V): Có chức năng là thị trấn huyện lỵ - Trung tâm hành chính, văn hóa, khoa học kỹ thuật và dịch vụ công cộng của huyện Hưng Nguyên.

- Giai đoạn đến năm 2030: Thị trấn Hưng Nguyên hiện nay (758,1 ha); dân số khoảng 20.000 người. Đạt tiêu chí đô thị loại V.

- Giai đoạn 2030-2050: Mở rộng diện tích, lấy toàn bộ ranh giới hành chính xã Hưng Tây. Tổng diện tích 2.598,7ha. Dân số khoảng 70.800 người. Nâng cao tiêu chí đô thị loại V.

b) Đô thị Hưng Thịnh (đô thị loại V): Là đô thị thương mại dịch vụ khu vực phía Đông Bắc của huyện và là đô thị vệ tinh phía Nam của thành phố Vinh.

- Giai đoạn đến năm 2030: Hình thành đô thị Hưng Thịnh gồm các xã Hưng Mỹ, Hưng Thịnh, Hưng Lợi và Hưng Phúc. Tổng diện tích 2.226,87ha; dân số khoảng 27.000 người. Đạt tiêu chí đô thị loại V.

- Giai đoạn 2030-2050: Định hướng phát triển dân số khoảng 49.000 người. Hoàn thiện và nâng cao tiêu chí đô thị loại V.

c) Đô thị Long Xá (đô thị loại V): Là đô thị thương mại dịch vụ khu vực phía Tây Nam huyện Hưng Nguyên.

- Giai đoạn đến năm 2030: Hình thành đô thị Long Xá gồm các xã Long Xá và xã Hưng Lĩnh. Tổng diện tích 1.427,02ha; dân số khoảng 18.700 người. Đạt tiêu chí đô thị loại V.

- Giai đoạn 2030-2050: Định hướng phát triển dân số khoảng 22.600 người. Hoàn thiện và nâng cao tiêu chí đô thị loại V.

4.2. Định hướng phát triển nông thôn:

- Giai đoạn 2023 - 2030:

+ Thực hiện điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới các đơn vị hành chính sau khi sát nhập các xã theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Đến năm 2025, tổng số xã dự kiến là 14 xã (*sát nhập các xã Hưng Thịnh và Hưng Mỹ, Hưng Tân và Hưng Thông, Hưng Phúc và Hưng Lợi*). Đến năm 2030, tổng số xã dự kiến là 10 xã (*các xã Long Xá, Hưng Thịnh, Hưng Mỹ, Hưng Phúc, Hưng Lợi và Hưng Lĩnh thuộc các đô thị Hưng Thịnh và Long Xá*); đồng thời hoàn thành lập quy hoạch chung xây dựng xã;

+ Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng huyện nông thôn mới trước năm 2025;

+ Cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư nông thôn hiện trạng, xây dựng và phát triển các khu dân cư mới theo quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch chung xã được duyệt. Quy hoạch xây dựng các khu dân cư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, các khu dân cư kiểu mẫu phục vụ xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu. Đến năm 2030 dân số nông thôn khoảng 86.000 người;

- Giai đoạn 2030-2050: Xây dựng và phát triển các khu dân cư mới theo quy hoạch nông thôn mới được duyệt và các khu dân cư kiểu mẫu phục vụ xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu trên toàn huyện. Đến năm 2050 dân số nông thôn khoảng 90.000 người.

4.3. Các điểm dân cư, các trung tâm hành chính xã, hệ thống trung tâm công cộng và kết cấu hạ tầng:

- Trung tâm các xã: Trung tâm các xã được quy hoạch mỗi trung tâm có quy mô diện tích 10-30 ha, quy mô dân số từ 5.000 - 7.000 người. Mỗi cụm trung tâm xã có các công trình văn hoá thể thao, các công trình hạ tầng khác như bưu điện, chợ, sân thể thao xã (60x90m)...được xây dựng theo quy chuẩn và được bố trí ở khu vực thuận tiện với các thôn xóm, bán kính phục vụ trong khoảng 2km;

- Các tuyến dân cư tập trung: Phân bố dọc theo các tuyến đường giao thông liên xã, quy hoạch đầu tư đồng bộ các công trình hạ tầng như đường giao thông nông thôn, lưới điện, nước, sinh hoạt, hệ thống trường lớp, hệ thống y tế, hệ thống các thiết chế văn hóa- xã hội...;

- Đối với cảnh quan làng, khu dân cư: cải tạo chỉnh trang các thôn, xóm trên cơ sở hiện có, tăng cường mật độ cây xanh tại các khu vực đất trống, các công trình xây mới theo kiến trúc truyền thống. Xây dựng nhà ở nông thôn nên sử dụng vật liệu địa phương, mật độ xây dựng thấp, nhà có nhiều cây xanh;

- Nhà ở nông thôn: Khuyến khích nhà ở theo mô hình trang trại: Đây là mô hình phù hợp với sản xuất nông nghiệp ở quy mô hộ gia đình, trong đó nhà ở gắn với các hoạt động trồng hoa, trồng rau sạch. Mô hình đô thị trang trại tạo ra sự phát triển song song đồng bộ của các khu dân cư gắn với khu vực nông nghiệp, nhờ vậy duy trì được quỹ đất sản xuất nông nghiệp cho địa phương.

Điều 5: Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội mang tính chất vùng:

5.1. Hệ thống trung tâm Hành chính chính trị: Từng bước chỉnh trang, xây dựng mới hệ thống trung tâm hành chính chính trị của thị trấn Hưng Nguyên, đô thị Hưng Thịnh và đô thị Long Xá, đáp ứng được trung tâm đô thị trong tương lai.

5.2. Hệ thống công trình giáo dục: Sắp xếp, cải tạo, nâng cấp, mở rộng quy mô các cơ sở giáo dục ở các đô thị: Thị trấn Hưng Nguyên (đô thị loại V), đô thị Hưng Thịnh (đô thị loại V) và đô thị Long Xá (đô thị loại V) theo định hướng có nhiều cấp học. Đầu tư xây dựng mới tổ hợp giáo dục đào tạo nghề và đào tạo phổ thông (cấp vùng) tại đô thị Hưng Thịnh.

- Giai đoạn 2023-2030: Dự báo dân số 152.000 người. Dự kiến có 67 cơ sở

giáo dục, trong đó có 01 trường trung cấp dạy nghề kinh tế kỹ thuật; 01 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên; 01 trường chính trị; 06 trường THPT; 14 trường THCS; 21 trường tiểu học và 23 trường Mầm non.

- Giai đoạn 2030-2050: Dự báo dân số 233.000 người. Dự kiến có 89 cơ sở giáo dục, trong đó có 02 trường trung cấp dạy nghề kinh tế kỹ thuật; 02 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên; 02 trường chính trị; 09 trường THPT; 18 trường THCS; 27 trường tiểu học và 29 trường Mầm non.

5.3. Hệ thống công trình y tế: Khuyến khích phát triển xã hội hóa Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, phòng khám tư nhân tại các đô thị: Thị trấn Hưng Nguyên (đô thị loại V), đô thị Hưng Thịnh (đô thị loại V) và đô thị Long Xá (đô thị loại V). Cải tạo, nâng cấp hệ thống các trạm y tế xã đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân trong huyện. Phát triển bệnh viện công lập và các cơ sở y tế khác (như trạm xá, phòng khám, hiệu thuốc...). Cụ thể:

- Giai đoạn 2023-2030: Dự báo dân số 152.000 người. Tiêu chí 100% xã, thị trấn đạt tiêu chí Quốc gia về y tế với 100% người dân tham gia bảo hiểm Y tế. Nâng cấp, bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II, quy mô 300 giường bệnh. Quy hoạch thêm 01 bệnh viện đa khoa và 01 bệnh viện chuyên khoa tại khu vực đô thị Long Xá.

- Giai đoạn 2030-2050: Dự báo dân số 233.000 người. Nâng cấp: Bệnh viện huyện lên quy mô 700 giường bệnh.

5.4. Hệ thống công trình văn hóa - thể dục thể thao:

- Công trình văn hóa: Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn; xây dựng 100% công trình trụ sở, nhà văn hóa xã đạt tiêu chuẩn.

+ Thị trấn Hưng Nguyên: Xây dựng mới trung tâm văn hóa của huyện, gồm: Nhà bảo tàng, nhà truyền thống, nhà văn hóa thanh thiếu nhi huyện, tượng đài.

+ Trung tâm văn hóa khu vực tại đô thị Hưng Thịnh và đô thị Long Xá. Quy mô đạt tối thiểu 1,0ha/trung tâm.

- 100% các xã có khu văn hóa - thể thao đạt tiêu chí nông thôn mới.

- Trung tâm thể dục thể thao (TDTT):

+ Trung tâm TDTT cấp huyện: 01 trung tâm tại thị trấn Hưng Nguyên gồm sân vận động, nhà tập luyện và thi đấu, bể bơi, sân tập bóng chuyền, cầu lông, sỏi vật.

+ Trung tâm TDTT cấp khu vực tại đô thị Hưng Thịnh, đô thị Long Xá: Sân thể thao, trung tâm văn hóa thể thao, cung văn hóa, nhà thiếu nhi.

+ Trung tâm TDTT cấp xã: 100% các xã có sân thể thao, cải tạo và nâng cấp các khu trung tâm TDTT hiện hữu đạt chuẩn nông thôn mới. Mỗi trung tâm TDTT gồm 01 sân thể thao phổ thông 5.000-8.000m², nhà luyện tập thi đấu kết hợp nhà văn hóa diện tích 200-300m², 3-5 sân tập thể thao.

Điều 6. Quy định về hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

6.1. Giao thông:

a) Đường bộ:

- Mạng lưới đường Quốc gia: Trên địa bàn huyện Hưng Nguyên có 06 tuyến, gồm 02 tuyến cao tốc, 04 tuyến Quốc lộ.

+ Cao tốc Bắc-Nam: Quy hoạch với quy mô 06 làn xe;

+ Cao tốc Hà Nội - Yên Bái: Quy hoạch với quy mô 06 làn xe;

+ Quốc lộ 1 (đoạn tránh thành phố Vinh): Quy hoạch với quy mô đường cấp III, đoạn qua khu vực đô thị theo quy hoạch đã được phê duyệt;

+ Quốc lộ 46: Quy hoạch thành đường đô thị;

+ Quốc lộ 46B: Quy hoạch với quy mô đường cấp IV, đoạn qua khu vực đô thị theo quy hoạch đã được phê duyệt;

+ Quốc lộ 46C: Quy hoạch với quy mô đường cấp III và IV, đoạn qua khu vực đô thị theo quy hoạch đã được phê duyệt;

(Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050).

- Đường tỉnh: Trên địa bàn huyện gồm 03 tuyến Đường tỉnh. Quy hoạch cụ thể như sau:

+ Đường tỉnh 539C (gộp tuyến ĐT542B và ĐT539C): Quy hoạch với quy mô đường cấp IV, đoạn qua khu vực đô thị theo quy hoạch đã được phê duyệt;

+ Đường tỉnh 542 (gộp tuyến ĐT542C và ĐT542E): Quy hoạch với quy mô đường cấp IV, đoạn qua khu vực đô thị theo quy hoạch đã được phê duyệt;

+ Đường tỉnh 535B: Quy hoạch thành đường đô thị;

(tuyến ĐT542D chuyển thành đường huyện).

(Căn cứ quyết định số 1059/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 14/9/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050).

- Đường huyện và trục chính khu vực:

+ Đường huyện: Quy hoạch 21 tuyến đường huyện và định hướng quy hoạch 09 tuyến mới, quy mô đường cấp III, IV, V, đảm bảo kết nối các khu vực chức năng trong huyện và hệ thống đường tỉnh, Quốc lộ.

+ Đường chính khu vực đô thị và khu vực du lịch: Kết nối khu vực đô thị và khu vực du lịch với các hệ thống giao thông chính của huyện, quy mô theo quy hoạch đô thị.

Bảng tổng hợp quy hoạch hệ thống Cao tốc - Quốc lộ - Đường tỉnh

TT	Tên đường	Cấp đường
I	Cao tốc	
1.1	Cao tốc Bắc - Nam	
1.2	Cao tốc Hà Nội - Yên Bái	

II	Quốc lộ	
2.1	Quốc lộ 1 (đoạn tránh thành phố Vinh)	III
2.2	Quốc lộ 46	Đô thị
2.3	Quốc lộ 46B	IV
2.4	Quốc lộ 46C	III - IV
III	Đường tỉnh	
3.1	ĐT.539C	IV
3.2	ĐT.542	IV
3.3	ĐT.535B	Đô thị

Bảng tổng hợp quy hoạch hệ thống đường huyện

TT	Tên đường	Chiều dài (km)	Cấp đường	Tên tuyến
IV	Đường huyện	161,1		
4.1	ĐH.201B	1,0	IV	Hung Trung - Nghi Công Nam
4.2	ĐH.202 (nhánh 1)	2,5	V	Hung Yên Bắc - Hung Trung
4.3	ĐH.202 (nhánh 2)	2,0	V	Hung Yên Nam - Nghi Vạn
4.4	ĐH.202B	3,8	IV	Hung Yên Nam - Hung Xuân
4.5	ĐH.202C	9,3	IV	Hung Yên Nam - Hung Trung
4.6	ĐH.203	11,7	III	Hung Tây - TT Hưng Nguyên - Hung Mỹ - Hưng Tân
4.7	ĐH.203B	4,3	V	Hung Đạo
4.8	ĐH.204	6,1	IV	Hung Lĩnh - Hung Đạo
4.9	ĐH.204B	12,6	IV	Hung Lợi - Hưng Nghĩa - Hung Thông - Hung Đạo
4.10	ĐH.206 (đường 8B)	7,6	III	TP Vinh - Hưng Mỹ - Hưng Tân - Hưng Nghĩa - Xuân Lam
4.11	ĐH.206B	3,1	V	Hung Tân
4.12	ĐH.206C	1,0	V	Hung Nghĩa
4.13	ĐH.208 (nhánh 1)	6,0	V	Xuân Lam - Hưng Nghĩa
4.14	ĐH.208 (nhánh 2)	2,0	V	Châu Nhân

4.15	ĐH.208B	3,5	V	Hung Lợi - Hung Phúc
4.16	ĐH.209	2,8	V	Hung Thành - Châu Nhân
4.17	ĐH.209B	3,1	V	Long Xá
4.18	ĐH.210 (nhánh 1)	9,1	IV	Hung Thành - Châu Nhân - Hung Lợi
4.19	ĐH.210 (nhánh 2)	2,8	IV	Châu Nhân
4.20	ĐH.210B	13,5	IV	Hung Lợi - Hung Phúc - Hung Mỹ - Hung Tân - Hung Đạo
4.21	ĐT542D (<i>Chuyển thành đường huyện</i>)	0,5	IV	Hung Thịnh
*	Các tuyến đường quy hoạch mới			
4.22	N1	4,7	III	Nghi Lộc - Hung Nguyên - Nam Đàn - Đô Lương
4.23	N2	17,0	III	TP Vinh - Hung Nguyên - Nam Đàn
4.24	N3	2,5	III	Hung Tân
4.25	N4	2,3	IV	Hung Nguyên - TP Vinh
4.26	D1	10,0	Đô thị	Hung Tây - Hung Đạo - Hung Tân - Long Xá
4.27	D2	5,1	IV	Hung Yên Nam - Hung Yên Bắc
4.28	D3	2,6	III	Hung Tây - TT Hung Nguyên - Hung Tân
4.29	D4	7,4	IV	TP Vinh - Hung Mỹ - Hung Tân - Hung Nghĩa - Hung Xuân
4.30	D5	1,2	IV	Hung Đạo - Nam Cát - Long Xá
V	Đường trục chính đô thị		Tuân theo quy hoạch đô thị	

b) *Bến xe*: Bến xe Nam Vinh thuộc khu dịch vụ vận tải đường bộ Nam thành phố Vinh nằm trên địa bàn xã Hung Lợi. Quy mô bến xe loại 1, diện tích 16.000m².

c) *Đường sắt*:

- Đường sắt tốc độ cao: Hướng tuyến đường sắt tốc độ cao đi qua các xã Hung Trung, Hung Yên Bắc, Hung Yên Nam, Hung Tây, Hung Đạo, thị trấn Hung Nguyên, Hung Tân, Hung Nghĩa, Hung Thành. (*Ga Vinh dự kiến quy hoạch tại xã Hung Tây, nằm ở khu vực giữa trục đường 72m và Quốc lộ 46*).

- Đường sắt Bắc - Nam: Cải tạo, nâng cấp, duy tu bảo dưỡng để đảm bảo tốt khả năng vận tải của tuyến.

d) Đường thủy:

- Tuyến trên sông Lam: Quy hoạch tuyến đường sông cấp III.
- Tuyến trên kênh Gai: Quy hoạch tuyến đường sông cấp V.
- Tuyến trên kênh Thấp: Quy hoạch tuyến đường sông cấp V.

(Theo QĐ 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; QĐ 5206/QĐ.UBND ngày 25/10/2016 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông đường thủy nội địa tỉnh Nghệ An đến năm 2020, định hướng đến năm 2030).

6.2. Hệ thống San nền, thoát nước:

a) *Nền xây dựng:* San nền khu vực đô thị mới theo các đồ án quy hoạch được phê duyệt. Đối với các khu vực khác, giữ nguyên nền xây dựng hiện trạng và cần bổ sung thêm các tuyến cống thoát nước với độ sâu cống phù hợp tránh hiện tượng úng ngập xảy ra.

b) *Thoát nước mặt:* Dựa vào địa hình, các trục tiêu và hướng tiêu nước chính chia huyện Hưng Nguyên thành 04 lưu vực:

- Lưu vực 1: Phần phía Nam khe Cái, diện tích lưu vực khoảng 15,92km², thuộc các xã Hưng Yên Bắc và Hưng Trung đổ ra khe Cái để đổ về Kênh Gai ở phía Đông khu vực;

- Lưu vực 2: Phía Bắc kênh Thấp, diện tích lưu vực khoảng 45,52km², thuộc các xã Hưng Yên Nam, Hưng Tây, thị trấn Hưng Nguyên đổ vào kênh Gai và kênh Thấp phía Đông và Nam khu vực;

- Lưu vực 3: Diện tích lưu vực khoảng 34,70km², thuộc các xã Hưng Đạo, Hưng Thông, Long Xá, Hưng Lĩnh đổ vào kênh Lam Trà từ đó chảy vào kênh Thấp ở phía Đông khu vực;

- Lưu vực 4: Phía Đông Nam khu vực, diện tích lưu vực khoảng 65,97km², thuộc các xã Hưng Mỹ, Hưng Thịnh, Hưng Nghĩa, Hưng Lợi, Xuân Lam, Hưng Thành, Châu Nhân đổ vào kênh Hoàng Cẩn về trạm bơm Bến Thủy và kênh Lê Xuân Đào chảy về trạm bơm Hưng Châu ở phía Nam khu vực để đổ về sông Lam.

6.3. Hệ thống cấp nước:

a) Cấp nước:

- Nguồn nước: Sử dụng chủ yếu là nguồn nước mặt sông Lam, sông Đào.

- Tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2030 là khoảng 50.000 m³, đến năm 2050 là khoảng 108.000m³

- Phân vùng cấp nước:

+ Vùng sử dụng nước từ Hệ thống cấp nước Hưng Nguyên (Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước Hưng Nguyên hòa mạng với nhà máy nước Hưng Tân và Hệ thống cấp nước TP Vinh) cung cấp cho thị trấn Hưng Nguyên, các xã Hưng

Đạo, Hưng Mỹ, Hưng Tân, Hưng Trung (phần cấp mới), Hưng Yên Nam, Hưng Yên Bắc, khu CN-ĐT-DV VSIP và các KCN thuộc KKT Nghệ An.

+ Vùng sử dụng nước sạch từ Hệ thống cấp nước thành phố Vinh và phụ cận (nhà máy nước Cầu Bạch hòa mạng nhà máy nước Hưng Vĩnh) cấp nước cho các xã Hưng Tây, Hưng Thịnh (hiện trạng).

+ Vùng sử dụng nước sạch từ Hệ thống nước Nam Hưng Nguyên (xây dựng mới nhà máy nước Xuân Lam hòa mạng với các nhà máy nước Hưng Thông, Hưng Lĩnh, Hưng Phúc, Hưng Thắng) cấp nước cho các xã phía Nam của huyện.

- Mạng lưới: Các tuyến ống truyền dẫn (D250 đến D1000) và các tuyến phân phối (D100 đến D200). Mạng lưới đường ống cấp nước phân bố trên hành lang các tuyến đường giao thông.

b) Hạ tầng kỹ thuật thủy lợi:

- Đảm bảo an toàn hệ thống hồ đập, gia cố các hồ đập địa phương đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ;

- Tăng tỷ lệ kiên cố hóa kênh cấp 3 phục vụ sản xuất nông nghiệp đạt 70%;

- Hoàn thiện và xây dựng thêm một số hồ chứa nước để phục vụ sản xuất cho các xã vùng bán sơn địa, nâng cấp một số hồ có thể tăng được dung tích trữ;

- Bổ sung một số trạm bơm ở các điểm phù hợp để tăng tỷ lệ tưới tiêu chủ động trong sản xuất nông nghiệp;

c) Hạ tầng phòng cháy và chữa cháy:

- Quy hoạch bố trí đất xây dựng trụ sở đội Cảnh sát PCCC - CNCH tại các Đô thị và các Khu công nghiệp, bố trí các công trình hạ tầng PCCC trong các đô thị theo các quy định;

- Giao thông phục vụ PCCC: Các trục đường trong đồ án quy hoạch đề có mặt đường rộng, đảm bảo cho phương tiện chữa cháy có thể di chuyển được;

- Bố trí các bến nước phòng cháy chữa cháy tại sông, kênh, hồ đập đáp ứng trữ lượng nước và có vị trí bám các trục đường giao thông đảm bảo cho xe phòng cháy chữa cháy hoạt động thuận lợi, đồng thời phân bố các điểm Bến lấy nước cho xe chữa cháy tại các đô thị, khu công nghiệp;

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt phải bố trí Trụ nước, đường ống, máy bơm và dung tích nước chữa cháy. Vị trí trụ nước chữa cháy đảm bảo theo các quy định.

6.3. Hệ thống cấp điện:

- Tổng nhu cầu dùng đến năm 2030: 489.891 kVA.

- Nguồn điện: Cấp cho huyện Hưng Nguyên là Trạm 110kV Hưng Đông, trạm 110kV Bến Thủy, trạm 110kV Hưng Nguyên, trạm 110kV Hưng Nguyên 2 và trạm 110kV VSIP6.

- Phân vùng cấp điện: Tương tự phân vùng của quy hoạch thành 03 vùng.

+ Trạm 110kV Bến Thủy cấp điện cho phân vùng phía nam;

+ Trạm 110kV Hưng Đông cấp điện cho phân vùng trung tâm và phân vùng phía nam;

+ Trạm 110kV Hưng Nguyên đặt tại phân vùng trung tâm và cấp điện cho phân vùng trung tâm;

+ Trạm 110kV Hưng Nguyên 2 đặt tại phân vùng phía bắc và cấp điện cho phân vùng phía bắc và cấp bổ sung cho phân vùng trung tâm.

- Chiếu sáng: Mạng lưới các trục đường chính của khu đô thị bố trí đi ngầm. Dùng đèn chiếu sáng cao áp hiệu suất cao, tiết kiệm điện năng.

- Nâng cấp đường dây 35KV, 22KV hoàn thiện cải tạo trạm biến áp các xã, thị trấn. Nâng cấp đường dây lưới điện nông thôn theo tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu.

- Xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị, gồm: Thị trấn Hưng Nguyên, đô thị Long Xá, đô thị Hưng Thịnh.

6.4. Hệ thống xử lý nước thải rắn và nghĩa trang:

- Định hướng thoát nước thải:

+ Khối lượng nước thải phát sinh đến năm 2030 là khoảng $46.000\text{m}^3/\text{ngđ}$, đến năm 2050 là khoảng $103.000\text{m}^3/\text{ngđ}$.

+ Từng bước đầu tư hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải chung với nước mưa cho khu vực nông thôn. Xây dựng mới các hệ thống thoát nước thải riêng và xử lý nước thải cho các Đô thị, các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch và bệnh viện.

+ Nước thải được thu gom bằng mạng lưới đường ống và các Trạm bơm đưa nước thải đến các Khu xử lý nước thải.

- Định hướng quản lý chất thải rắn:

+ Khối lượng CTR phát sinh đến năm 2030 là khoảng 90 T/ngđ, đến năm 2050 là khoảng 155 T/ngđ;

+ 100% chất thải rắn (CTR) được thu gom, phân loại tại nguồn. CTR thông thường được xử lý tại khu liên hợp xử lý chất thải rắn đặt tại xã Nghi Yên (Quy hoạch mới Khu liên hợp xử lý chất thải rắn tại khu vực Lèn Dơi, xã Nghi Yên), CTR y tế được xử lý bằng lò đốt tại bệnh viện, CTR nguy hại được thu gom và vận chuyển đi xử lý triệt để. Chất thải rắn công nghiệp được thu gom và vận chuyển đến khu xử lý tập trung theo quy định.

- Định hướng phát triển nghĩa trang:

+ Tiếp tục sử dụng các nghĩa trang tập trung đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường tại các xã, thị trấn đã được phê duyệt quy hoạch. Các nghĩa trang hiện có không đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường phải dừng các hoạt động mai táng, trồng cây xanh cách ly đảm bảo cảnh quan. Khuyến khích nhân dân chuyển sang hình thức hỏa táng.

+ Quy hoạch nghĩa trang vùng liên huyện tại xã Hưng Tây, quy mô 81ha.

+ Quy hoạch mới nghĩa trang tập trung cấp vùng tại xã Hưng Yên Nam, quy mô khoảng 120ha.

6.5. Định hướng hạ tầng thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông:

- Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông có công nghệ hiện đại, phát triển mạng lưới cáp quang trong toàn huyện. Đảm bảo được các nhu cầu về sử dụng thông tin liên lạc theo từng khu vực, theo từng giai đoạn đáp ứng các yêu cầu phát triển với tốc độ cao của công nghệ thông tin.

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngầm lắp đặt cáp viễn thông khu vực theo lộ trình nâng cấp các tuyến đường giao thông của tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An.

- Tiếp tục phát triển thuê bao; nâng cấp các điểm chuyển mạch tại các đô thị; xây dựng hệ thống cáp quang và các điểm truy cập mới tại các khu công nghiệp, các khu đô thị mới.

6.6. Đánh giá môi trường chiến lược:

Phát triển kinh tế, xã hội, đô thị hóa phải đi đôi với bảo vệ môi trường nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Trên cơ sở đó xây dựng các giải pháp, kế hoạch bảo vệ môi trường, bao gồm:

- Phát triển đô thị phải gắn liền với xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ cho các khu dân cư, đô thị tránh phát sinh chất thải ra môi trường.

- Kiểm soát môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, các điểm du lịch; Các dự án khi triển khai phải đảm bảo đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định, tăng cường giám sát kiểm tra định kỳ.

- Xây dựng chương trình quan trắc, bố trí các điểm quan trắc môi trường nước tại các vị trí nguồn sinh thủy, nguồn tiếp nhận nước thải, vùng nước ven bờ, môi trường đất, không khí tại các khu vực trọng điểm.

Điều 7. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường:

7.1. Phạm vi bảo vệ các công trình giao thông:

+ Đối với đường ngoài đô thị: Đảm bảo hành lang bảo vệ các tuyến đường theo quy định của Luật Giao thông đường bộ và Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ;

+ Đối với đường đô thị: Tuân thủ đúng chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của các tuyến theo quy hoạch được duyệt.

7.2. Phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối:

a) Các yêu cầu bảo vệ nguồn nước:

Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của chính phủ;

- Các khu vực bảo vệ:

+ Khu vực I: Cấm xây dựng bất kỳ loại công trình nào cho người ở, kể cả công nhân quản lý; cấm xả nước thải, tắm giặt, bắt cá, chăn thả trâu bò; cấm sử dụng hóa chất độc, phân hữu cơ và các loại phân khoáng để bón cây, quanh khu vực lấy nước;

+ Khu vực II: Nhà máy, nhà ở, khu dân cư phải được xây dựng hoàn thiện (có hệ thống cấp nước, thoát nước bản và nước mưa...) để bảo vệ đất và nguồn nước khỏi bị ô nhiễm; nước thải sản xuất và sinh hoạt trước khi xả vào nguồn nước phải được làm sạch đảm bảo yêu cầu vệ sinh; cấm đổ phân, rác, phế thải công nghiệp, hóa chất độc làm nhiễm bản nguồn nước và ô nhiễm môi trường.

- Quy định về vùng bảo vệ vệ sinh nguồn nước mặt:

+ Khu vực bảo vệ cấp I cách công trình thu về phía thượng lưu tối thiểu 200m, phía hạ lưu tối thiểu 100 m;

+ Khu vực bảo vệ cấp II cách công trình thu về phía thượng lưu tối thiểu 1000m, cách công trình thu về phía hạ lưu tối thiểu 300m;

- Khoảng cách ATVSMT nhỏ nhất từ công trình khai thác nước sinh hoạt tập trung đến nghĩa trang hung táng là 5.000m, đến nghĩa trang cát táng là 3.000 m;

- Khoảng cách ATVSMT nhỏ nhất từ mép nước gần nhất của các thủy vực lớn là 500m đối với nghĩa trang hung táng; là 100m đối với nghĩa trang cát táng.

- Quy định về vùng bảo vệ vệ sinh nguồn nước ngầm:

+ Khu vực bảo vệ cấp I có bán kính bảo vệ giếng khoan tối thiểu 30m: khu vực bảo vệ cấp II có bán kính bảo vệ giếng khoan tối thiểu 300m;

+ Các trạm xử lý nước thải cách phải cách công trình lấy nước ngầm ít nhất 300m.

- Quy định về vùng bảo vệ nhà máy nước: Phải xây tường rào bảo vệ bao quanh khu vực xử lý nước trong phạm vi 30m kể từ chân tường các công trình xử lý. Bên trong tường rào này không được xây dựng nhà ở, công trình vui chơi, sinh hoạt, vệ sinh, không được bón phân cho cây trồng và không được chăn nuôi súc vật. Khu vực bảo vệ đường ống cấp nước phân phối chính tối thiểu là 0,5m.

- Quy định về khoảng cách ly môi trường tối thiểu:

+ Đối với trạm bơm: 15 - 30m;

+ Đối với trạm xử lý nước thải: 100 - 1000m;

+ Trong phạm vi cách ly môi trường, không xây dựng nhà ở tập trung, công trình công cộng tập trung đông người, xí nghiệp chế biến thực phẩm và điểm lấy nước phục vụ sinh hoạt.

b) Quản lý hành lang an toàn hệ thống điện:

- Quản lý hành lang cách ly đường điện, công trình điện phải tuân thủ theo Luật Điện lực 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực năm

2012; Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện;

- Quản lý không gian công trình điện: Lưới điện trung thế, hạ thế trong phạm vi đô thị phải đi ngầm;

- Quy định về khoảng cách an toàn tối thiểu từ công trình xây dựng khác đến: Trạm biến áp đến 35KV là 3,0m; trạm biến áp đến 66,110KV là 4,0m; Trạm biến áp đến 220KV là 6,0m.

7.3. Quy định về quản lý chất thải rắn, quản lý nghĩa trang:

a) Quản lý chất thải rắn:

- Quy định về thu gom và phân loại CTR: Phải thu gom đạt tỷ lệ 100% lượng CTR phát sinh; thực hiện phân loại CTR tại nguồn phát sinh; phải thu gom, xử lý riêng đối với CTR công nghiệp, CTR y tế nguy hại;

- Quy định về xử lý CTR: Ưu tiên các công nghệ xử lý CTR hiện đại, tiết kiệm quỹ đất xây dựng;

- Quy định về khoảng cách ly vệ sinh môi trường: Bãi chôn lấp vệ sinh phải có hàng rào bảo vệ; dải cây xanh cách ly ngoài hàng rào phải có chiều rộng tối thiểu là 20m;

- Quy định về khoảng cách ly vệ sinh môi trường tối thiểu:

- + Bãi chôn lấp CTR hỗn hợp (vô cơ và hữu cơ) hợp vệ sinh 1000m; Bãi chôn lấp vô cơ 100m; Nhà máy xử lý CTR 500m; Điểm, trạm trung chuyển CTR 25m;

- + Trong phạm vi khoảng cách ly vệ sinh môi trường cần quản lý chặt chẽ, không xây dựng nhà ở tập trung, công trình công cộng tập trung đông người, xí nghiệp chế biến thực phẩm và điểm lấy nước phục vụ sinh hoạt.

b) Quản lý nghĩa trang:

- Quy định về sử dụng nghĩa trang và hình thức an táng: Sử dụng nghĩa trang tập trung xác định trong quy hoạch, ưu tiên hình thức hỏa táng. Đóng cửa dần đối với dịch vụ hunh táng, cải tạo thành công viên đối với các nghĩa trang không đảm bảo khoảng cách ly hoặc đã lấp đầy;

- Khoảng cách ly vệ sinh môi trường đến điểm dân cư, công trình công cộng gần nhất phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, cụ thể:

- + Đối với nghĩa trang có hunh táng: tối thiểu là 1500m nếu không có hệ thống thu gom và xử lý nước dò rỉ từ mộ hunh táng; tối thiểu là 500m nếu có hệ thống thu gom và xử lý nước dò rỉ từ mộ hunh táng;

- + Đối với nghĩa trang chôn cất 1 lần: tối thiểu là 500m;

- + Đối với nghĩa trang cát táng tối thiểu là 100m;

- + Đối với lò hỏa táng: bán kính tối thiểu là 500m tính từ ống khói lò hỏa táng.

- Trường hợp do điều kiện đất đai hạn chế phải có biện pháp kỹ thuật, môi trường để giảm khoảng cách ly vệ sinh môi trường nhưng phải được cơ quan quản lý môi trường thẩm định, chấp thuận;

- Quy định về nhà tang lễ: Khoảng cách ly tối thiểu đến công trình nhà ở là 100m; đến chợ, trường học là 200m.

7.4. Công trình ngầm:

a) Quy định về phát triển hệ thống hạ tầng ngầm:

- Đối với đô thị cũ cải tạo chỉnh trang bao gồm đô thị trung tâm: Cải tạo hạ tầng tập trung vào các đường dây điện, đường dây viễn thông nổi. Từng bước xây dựng hệ thống tuynel, hào, cống bê cấp trong ranh giới quy hoạch;

- Đối với các khu chức năng, khu đô thị xây mới phải xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm, đồng bộ với hệ thống giao thông. Cấm xây dựng mới đường dây nổi tại các khu trung tâm đô thị, khu vực di sản kiến trúc, tuyến phố chính.

b) Quy định về hệ thống tuynel, cống, bể cấp:

- Các tuynel chính cấp vùng: Chứa các đường ống có kích thước lớn, đường điện cao thế, đường ống cấp nước, viễn thông phải đảm bảo kích thước cho con người hoặc máy móc đi lại vận hành và sửa chữa;

- Các tuynel nhánh xây dựng dọc theo các trục đường chính đến đường phân khu vực, các tuyến cống bê cấp phục vụ nhu cầu dọc theo tuyến đường phải được xây dựng đồng bộ với các đường giao thông khi xây mới hoặc khi cải tạo tuyến phố.

7.5. Phạm vi bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật khác: Phạm vi bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật khác tuân thủ các quy định chuyên ngành tương ứng hiện hành.

7.6. Quy định về quản lý môi trường:

- Thực hiện các giải pháp bảo vệ thiên nhiên, các di sản văn hóa - lịch sử phục vụ cho phát triển du lịch dịch vụ; xử lý hiện trạng ô nhiễm môi trường; đảm bảo an toàn cho nguồn cấp nước sinh hoạt, tưới tiêu, bảo vệ môi trường đất, môi trường không khí; bảo vệ các hệ sinh thái đặc trưng;

- Giám sát, xử lý các vi phạm gây ô nhiễm; đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đối với từng dự án; tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thích hợp trong các hoạt động bảo vệ môi trường;

- Xây dựng quy chế quản lý bảo vệ môi trường và có biện pháp kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường đối với các vùng bảo tồn, hạn chế phát triển; vùng dân cư đô thị và khu du lịch; vùng rừng phòng hộ, vành đai xanh, hành lang xanh và hệ thống cây xanh công cộng; vùng nông thôn, vv...;

- Việc quyết định địa điểm và triển khai các dự án nhạy cảm về môi trường (khu xử lý rác, nghĩa địa, khu xử lý nước thải, các khu chăn nuôi tập trung ...) sẽ được xem xét cụ thể trên cơ sở định hướng quy hoạch vùng và phải đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường theo quy định.

Điều 8. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa:

8.1. Định hướng phát triển:

Địa hình, cảnh quan (bao gồm không gian, độ cao, cơ sở hạ tầng, kiểu thức kiến trúc, sắc thái, bố cục, màu sắc và những không gian trống): phải được bảo tồn theo các yếu tố gốc của di tích, danh thắng. Việc quản lý, chăm sóc, bảo vệ, phát triển, sử dụng di tích, thắng cảnh phải tuân thủ nghiêm ngặt Luật Di sản văn hóa, Luật bảo vệ và phát triển rừng, Luật bảo vệ môi trường, các quy định về quản lý đô thị, các quy định pháp luật khác có liên quan và theo Quy định này.

8.2. Về tổ chức không gian:

a) Quản lý chặt chẽ việc cải tạo, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và kiến trúc trong phạm vi xung quanh các hạng mục công trình di tích lịch sử, danh lam, danh thắng.

b) Khu vực bảo vệ di tích: thực hiện theo điều 32 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa (Luật số 32/2009/QH12) và điều 14 Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.

8.3. Về kiến trúc:

a) Bảo quản, tu bổ, phục hồi và sử dụng: Xác định hình thức bảo tồn, tôn tạo phù hợp với tính chất của từng loại di tích, đảm bảo thực hiện theo Luật Di sản văn hóa và Quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh tại Quyết định số 05/2003/QĐ-BVHTT ngày 06/02/2003 của Bộ Văn hóa - Thông tin. Mọi hoạt động kinh doanh trong các khu bảo vệ di tích (đặc biệt là trong phạm vi khu vực bảo vệ I) phải đảm bảo mỹ quan và được cơ quan thẩm quyền cấp đăng ký kinh doanh mới được tiến hành.

b) Nghiêm cấm xây dựng các công trình xây chen, các công trình tạm, công trình, tranh tre, nứa lá, nhà ở, hàng quán tạm bợ trong khu vực quy hoạch công trình di tích lịch sử-văn hóa, danh lam - thắng cảnh.

8.4. Về cảnh quan:

Tổ chức cảnh quan xung quanh các di tích sao cho hài hòa và tôn tạo được các giá trị của di tích, tạo được cảnh quan thích hợp với các hoạt động của người tham quan di tích.

8.5. Quản lý và cấp phép xây dựng:

a) Khu vực bảo vệ I: không xây dựng các công trình kiến trúc mới. Ngoài việc tu bổ các công trình di tích đã bị xuống cấp, chỉ xây dựng bia biển chỉ dẫn, giới thiệu di tích. Các hạng mục này không được làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc của di tích, đảm bảo mỹ quan và được bố trí hợp lý. Đối với các công trình quan trọng trong các khu vực bảo vệ di tích, danh lam thắng cảnh, UBND huyện cần tổ chức hội nghị tư vấn, phản biện khi xem xét để quyết định cho phá dỡ, xây dựng mới, sửa chữa, tu bổ. Đối với các hạng mục công trình trong di tích đã bị phá hủy hoàn toàn nhưng có giá trị về mặt lịch sử-văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo và có đầy đủ tư liệu khoa học thì có thể được phục hồi hoặc tiến hành bảo tồn khảo cổ, kết hợp trồng cây xanh tạo hình nền để thấy được vị trí, quy mô công trình, cũng như quy mô tổng thể.

b) *Khu vực bảo vệ II*: xây dựng các công trình, hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ việc phát huy giá trị của di tích (khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, phát triển du lịch, nghiên cứu, giáo dục, đào tạo ...) với hình thức kiến trúc và vật liệu xây dựng phù hợp, hài hòa với di tích, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến di tích gốc. Hạn chế xây dựng công trình cao tầng xung quanh khu vực bảo vệ I.

Điều 9. Phân công và quy định trách nhiệm:

9.1. Các cơ quan có trách nhiệm theo quy định cần tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký quyết định phê duyệt.

9.2. Trong quá trình tổ chức thực hiện theo quy hoạch, nhà, đất hiện trạng của các tổ chức, cá nhân tại các khu chức năng theo quy hoạch trong phạm vi đồ án được quản lý theo các quy định và chính sách hiện hành (về nhà, đất; đầu tư xây dựng).

PHẦN 2 TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Mọi hành vi vi phạm các điều khoản của Quy định này tùy theo hình thức và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Các cơ quan có trách nhiệm quản lý xây dựng căn cứ Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, được duyệt và các quy định cụ thể của Quy định này để hướng dẫn thực hiện triển khai các bước tiếp theo.

Điều 12. Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, được lưu trữ tại Chủ đầu tư và các cơ quan quản lý liên quan để tổ chức thực hiện.

Điều 13. Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi những nội dung của quy định này phải được UBND tỉnh xem xét, quyết định.//